

Phú Thọ, ngày 07 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2026/TLST- KDTM ngày 02 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH N; Địa chỉ: tổ I D, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Minh H- Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: - Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1975; Địa chỉ: tổ I D, phường V, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Ngô Anh T1, sinh năm 1962; Địa chỉ: tổ B, khu C D, phường V, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957; Địa chỉ: Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P -Số A, ngõ A, đường M, phường T, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn*: Công ty cổ phần X; Địa chỉ: khu A, xã T, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Đ- Chức vụ: Giám đốc công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

- Ông Vũ Đình Q, sinh năm 1958; Địa chỉ: Tổ C, khu H, phường V, tỉnh Phú Thọ.

- Ông Nguyễn K, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số nhà 880, đường Châu Phong, phố Tân Phú, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Khắc T, ông Ngô Anh T1 là Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH N; Ông Trần Tuấn Đ là Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần X thống nhất xác định tính đến 30/3/2026 Công ty cổ phần X còn nợ Công ty TNHH N tổng số tiền là 585.510.500 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng) theo Hợp đồng mua bán than cám 5a1 năm 2017 số 03/HDMBT/HT ngày 15/10/2017 được ký giữa Công ty TNHH N với Công ty cổ phần X và các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Ông Nguyễn Khắc T, ông Ngô Anh T1 là Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Công ty TNHH N; Ông Trần Tuấn Đ là Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần X thống nhất thoả thuận: Công ty cổ phần X có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH N tổng số tiền là 585.510.500 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Về thời hạn trả nợ và phương án trả nợ như sau:

- Lần 1: Ngày 25/4/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 2: Ngày 25/5/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 3: Ngày 25/6/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 4: Ngày 25/7/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 5: Ngày 25/8/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 6: Ngày 25/9/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 7: Ngày 25/10/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 8: Ngày 25/11/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 9: Ngày 25/12/2026 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 10: Ngày 25/01/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 11: Ngày 25/02/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 12: Ngày 25/3/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 13: Ngày 25/4/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số

tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 14: Ngày 25/5/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 15: Ngày 25/6/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 16: Ngày 25/7/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 17: Ngày 25/8/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 18: Ngày 25/9/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 19: Ngày 25/10/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 20: Ngày 25/11/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 21: Ngày 25/12/2027 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 22: Ngày 25/01/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 23: Ngày 25/02/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 24: Ngày 25/3/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 25: Ngày 25/4/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 26: Ngày 25/5/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 27: Ngày 25/6/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 28: Ngày 25/7/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Lần 29: Ngày 25/8/2028 Công ty cổ phần X trả cho Công ty TNHH N số tiền 25.510.500 đồng (Hai mươi lăm triệu năm trăm mười nghìn năm trăm đồng).

Nếu đến thời hạn thỏa thuận trả nợ trên mà Công ty cổ phần X vi phạm nghĩa vụ trả nợ bất kỳ lần trả nợ nào thì Công ty TNHH N có quyền yêu cầu Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ để xử lý toàn bộ số tiền trên.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người

được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Công ty TNHH N phải chịu 6.855.100 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xác nhận Công ty TNHH N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 14.110.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000951 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Khắc T nộp thay. Trả lại cho Công ty TNHH N số tiền 7.254.900 đồng (Bảy triệu hai trăm năm mươi tư nghìn chín trăm đồng).

Công ty cổ phần X phải chịu 6.855.100 đồng (Sáu triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn một trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 3-Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Phạm Việt Hưng